

Mật Tạng Bộ 1 _ No.850 (Tr.68_Tr.82)

KINH NHIẾP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA
ĐẠI BỒ ĐỀ TRÀNG CHỦ TÔN MẬT ÁN TIÊU XÍ
MẠN TRÀ LA NGHI QUỶ
QUYÊN THỨ HAI

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BA CA LA (Śubhakarasiṃha: Thiện Vô Úy) phụng chiếu dịch.
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

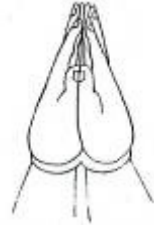
Bấy giờ **Bà Nga Tông**
Tỳ Lô Giá Na Phật (Bhagavaṃ-vairocana-buddha)
Quán sát các Đại Chúng
Bảo Chấp Kim Cương Thủ
Mật Chủ Tát Đỏa (Vajrapāṇi-guhyādhipati) rằng:
“Có Pháp đồng **Đại Nhật**
Vật Như Lai trang nghiêm
Đồng **Pháp Giới Tiêu Xí**
Bồ Tát Ma Ha Tát
Do đầy trang nghiêm thân
Ở bên trong sinh tử
Trải qua các lối nẻo
Trần Sát Như Lai Hội
Dùng **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi) này
Kế Đô (Ketu: cây phượng) mà dựng lập
Tiêu xí của Như Lai
Các Trời, Rồng, Dạ Xoa
Tám Bộ lễ từ xa
Nhận răn dạy, phụng hành
Nay ông hãy nghe kỹ!
Ta sẽ diễn nói cho”

_ **Mật Chủ** thành thính xong
Khi ấy **Bà Nga Tông** (Đức Thế Tôn)
Liên trụ ở nơi Thân
Tam Muội **Vô Hại Lực**
Do trụ ở Định ấy
Nói **Nhất Thiết Như Lai**
Vô Năng Chướng Ngại Thân
Vô Đẳng Tam Lực Minh
Liên nói **Minh Phi** (Vidyā-rājñī) là:
25. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A tam mê (2) đê-lý tam mê (3)**
tam ma duệ (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम्

☸ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ASAME TRISAME
SAMAYE - SVĀHĀ

_ Kim Cương Bí Mật Chủ!
Minh Phi hay thị hiện
Tất cả **Như Lai Địa**
Chẳng vượt ba Pháp Giới
Mãn **Địa Ba La Mật**
Mật Ấn, tay Định (tay trái) Tuệ (tay phải)
Liên Hợp (chấp tay Liên Hoa) dựng hai Không (ngón cái).



Trán, vai, tim, huyệt, đỉnh
Ấn năm, tụng Minh Phi.
Đây **Nhất Thiết Chư Phật**
Cứu Thế chi Đại Ấn (Đại Ấn cứu thế của tất cả chư Phật)
Chính Giác Tam Muội Gia
Của chư Phật Cứu Thế
Ở Ấn này mà trụ

_ Tiếp **Pháp Giới Sinh Ấn**
Nên trụ ở chữ LA (𑖀 - RA)
Ấn Minh như trước nói

_ Tiếp **Chuyển Pháp Luân Ấn**
Đề tướng (chân thành tướng) **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)
Phong Luân (Vāyu-cakra), hạt giống **Gió** (𑖀 - HA)
Ấn Minh như **Sơ Hội** (Hội ban đầu)

_ Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát
Từ mọi **Tam Muội** này
Liên vào *chữ Vô Sinh* (𑖀 - A)
Trụ **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta)
Quán Thân như **Tất Đồa** (Vajra-satva)
Sắc tướng *Pha Lê biếc* (màu thủy tinh xanh biếc)
Trụ ở **Yết Ma Luân** (Karma-cakra)
Khấp cả thành vòng lửa (Diễm Man)
Tụng **Chân Ngôn Vương** dưới
Vuông, làm *Mạn Trà La* (Maṇḍala: Đàn)
Hai khuỷu tay làm lượng
Khác đây, chẳng tốt lành

_ Kệ tìm đất như Kinh
Điễm **Bạch Đàn** làm dấu
Hương hoa phụng hiến khắp
Trước trì **Biện Sự Minh**

A Xà Lê (Ācārye) truyền Pháp
Mới có thể ứng lấy
Tu Đa La năm màu (Pañca-varṇa-sutra: Chi ngũ sắc)
Cúi lạy tất cả Phật
Đại Tỳ Lô Giá Na
Gần gũi, tự gia trì

_ Bắt đầu từ phương Đông
Cầm chỉ đối diện nhau (đối trì Tu Đa La)
Ngang rón giảng trên không
Dần chuyển theo bên phải
Như vậy Nam rồi Tây
Cuối cùng ở phương Bắc
_ Thứ hai, an lập **Giới**
Cũng khởi từ *phương đầu* (phương Đông)
Nghĩ nhớ các Như Lai
Di chuyển như trên nói
Phương phải rồi phương sau
Lại vòng ở *Thắng phương* (phương Bắc)
_ A Xà Lê quay về
Y ở **Niết Lý Đễ** (Nairṛti: phương La Sát, phương Tây Nam)
Người Thọ Học đối trì
Dần dần đến phương Nam
Từ đây nhiều bên phải
Chuyển y ở *Phong phương* (Vāyu: phương Tây Bắc)
_ Đạo Sư dời Bản xứ
Đến ngụ ở *Hỏa phương* (Agni: Phương Đông Nam)
Trì Chân Ngôn Hành Giả
Lại tu Pháp như vậy
Đệ Tử ở Tây Nam
Thầy ở **Y Xá Ni** (Īsani: phương Đông Bắc)
Người Học lại nhiều quanh
Chuyển y ở *Hỏa phương* (phương Đông Nam)
_ Thầy dời khỏi bản xứ
Đến trụ ở *Phong phương* (phương Tây Bắc)
Như vậy Bắc Chân ngôn
Rộng làm Tướng bốn phương
_ Dần dần vào trong ấy
Chia làm ba vị trí
Biểu thị ba Phần Vị
Tướng đất rộng vòng khắp
_ Lại ở mỗi một phần
Sai biệt dùng làm ba
Trong đây phần Tội Sơ (ban đầu)
Nơi hành Đạo tác Nghiệp
Còn lại phần giữa, sau
Trú xứ của **Thánh Thiên**
Nên biết phân chia đều
Thành Tâm dùng ân trọng

Vận bày các Thánh Tôn
Nhìn kỹ A Xà Lê
Chính Thọ tạo mọi tướng
Đều đặn khéo phân biệt
_ Nội Tâm: Sen trắng diêu
Trong Tạng tạo **Nhất Thiết**

Bi Sinh Mạn Trà La

Mười sáu **Ưng Câu Lê** (lượng bằng 16 ngón tay duỗi ra)

Hơn đây làm số lượng
Tám cánh thật tròn đây
Râu nhụy đều tươi tốt
Trí Ẩn của Kim Cương
Lộ khắp các mặt cánh

_ Từ trong đài hoa này

Hiện **Đại Nhật Thăng Tôn**

Màu vàng rờng rục rờ

Đầu đội mào tóc kết

Cứu Thế Viên Mãn Quang

Ly Nhiệt trụ Tam Muội

_ Nhóm *bốn Trí, bốn Hạnh*

Trong *tám Bí* (8 Ẩn bí mật) diễn nói

Trên Đại Nhật Như Lai

Các quyển thuộc Tam Muội

Từ phương Đông vẽ làm

Tất cả **Biên Trí Ẩn**

Tam giác trên hoa sen

Màu sắc đều trắng tươi

Ánh lửa vây chung quanh

Trong sáng rộng vòng khắp

Ngọn sắc bén hướng xuống

Phật ngồi dưới **Đạo Thụ** (cây Bồ Đề)

Trì đây, giáng Bốn Ma

Nên hiệu: **Biên Trí Ẩn**

Hay đủ nhiều Công Đức

Sinh mọi **Tam Muội Vương.....**

_ Tiếp ở góc phía Bắc (Bắc duy)

Đạo Sư, các Phật Mẫu

Màu vàng rờng lóng lánh

Dùng lụa trắng làm áo

Chiều khắp như mặt trời

Chính Thọ trụ Tam Muội

Phật Mẫu Hư Không Nhãn

Chân Ngôn là:

26. “**Nãng mạc tam mãn đa một đà nam (1) nga nga nãng phộc la lạc khát-xoa nãi (2) nga nga nãng sa ma duệ (3) tát phộc đồ ốt-nga đá (4) tỳ sa la tam bà phệ (5) nhập phộc-la nan ma mục khư nãng (6) sa phộc-hạ**”

नमः समन्त बुद्धानाम गगन वर लक्षणे गगन समये
सर्वता उदगता अभिसारा सम्भवे ज्वाला - नामो अमोघानाम - स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA VARA LAKṢANE
- GAGANA SAMAYE - SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE -
JVALA - NAMO AMOGHĀNĀM - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 bàn tay) Quy Mệnh Chưởng
Phong (ngón trỏ) vịn gia trên Không (Ngón cái)
Hình ấy như **Khế Già** (Khaḍga: cây đao)



Đại Tuệ Dao Ấn này

Tất cả Phật đã nói

Hay cắt đứt các **Kiến** (Dṛṣṭi)

Là đều sinh **Thân Kiến** (Satkāya-dṛṣṭi: Ở thân chấp cái Ta có thật)

Chân Ngôn là:

27. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ khiết nga vĩ la nhạ (2)
đạt ma tán nại la-xả ca sa hạ nhạ (3) tát ca dã nại-lệ sắt-trí tra-duệ nặc ca (4) đát
tha nghiệt đa, a địa mục khát-để nễ-dực xả đa (5) vĩ la nga đạt ma nễ-dực xá đa,
hồng (6)”

नमः समन्त बुद्धानाम मन्त्र विराजिते महानिर्वाणस्य
सर्वता उदगता अभिसारा सम्भवे ज्वाला - नामो अमोघानाम - स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA
DHARMA SAMDARŚAKA SAHAJA SATKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA_
TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA VIRĀGA DHARMA NIRJĀTA HŪM

_ Chắp hai tay giữa rỗng
Cổ Phong (ngón trỏ) quặp lấy Không (ngón cái)
Hình như đảnh **Thương Khư** (Śaṅkha: vỏ ốc)
Đây, tên là **Thắng Nguyên**
Cát Tường Pháp Loa Ấn



Chư Phật, Thầy của đời

Bồ Tát, Đấng Cứu Thế

Đều nói Pháp vô **Cầu** (không dơ bản)

Đến **Niết Bàn** Tịch Tĩnh

Chân Ngôn là:

28. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) **Ám**”

नमः समन्त बुद्धानाम ह्रूं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM

Nếu kết Đại Ấn này
Là Đấng Thí Vô Úy
Chân Ngôn là:

34. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (2) nhĩ ná nhĩ ná (3) bội dã, na xa ná (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्तबुद्धानाम् सर्वथा जिना जिना भया नासना स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ - JINA JINA - BHAYA NĀŚANA - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 tay) lại như trước
Tuệ (tay phải) rũ xuống **Thí Nguyện** (Varada)
Ấn Dữ Nguyện (Varada-mudra) như vậy



Bậc **Thế Y** đã nói
Vừa mới kết Ấn này
Chư Phật mãn Nguyện ấy
Chân Ngôn là:

35. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc la ná phộc nhật-la đát-ma ca (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्तबुद्धानाम् वरदा वाज्रात्मका

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VARADA VAJRA ATMAKA - SVĀHĀ

_ Tuệ quyền (Quyền phải) duỗi Phong Luân (ngón trỏ)
Làm hình **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkuti: nhãn mảy)
Trụ ở Tướng **Đẳng Dẫn** (Samāhita)



Dùng Đại Ấn như vậy
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Khủng bố các điều Chướng
Tùy ý thành **Tất Địa** (Siddhi)
Bởi vì kết Ấn đó
Chúng Ma quân đại ác
Với các điều Chướng khác
Chạy tan, không thể nghi
Đặt đầu Phong (ngón trỏ) Tam Tinh
Chân Ngôn là:

36. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma ha ma la phộc đề (2) nại xa phộc lộ nạp-bà phê, ma ha mỗi đát-ly dã (3) tỳ-dữu nột-nghiệt đề (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः वरं वरं नमः नमः वरं वरं नमः नमः
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-BALA VATI DAŚA-BALA UDBHAVE - MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE - SVĀHĀ

Tuệ quyền (quyền phải) duỗi Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa)
Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đê Không Luân (ngón cái)



Đây, tên **Nhất Thiết Phật**

Thế Y Bi Sinh Nhân

Tường đặt ở **Nhãn Giới** (Cakṣu-dhātu)

Bậc Trí thành **mắt Phật** (Buddha-cakṣu)

Chân Ngôn là: (lúc Quán Đỉnh thì dùng mở mắt)

37. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nga nga năng phộc la, lạc khát-xoa ninh (2) ca lỗ ninh ma gia (3) đát tha nghiệt đa chước khát-sô (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः गगनं वरं वरं नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA VARA LAKṢAṆA KĀRUNI-MAYA - TATHĀGATA-CAKṢU - SVĀHĀ

Định Tuệ (2 tay) nắm quyền Trong (Nội quyền)

Duỗi Phong (ngón trỏ) hợp đầu tròn



Thắng Nguyên Sách Ấn này

Hoại các loài tạo ác

Bậc Chân Ngôn kết Ấn

Hay cột các **Bất Thiện** (Akusāla)

Chân Ngôn là:

38. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ hệ ma ha bá xa (2) bát-la sa lao niết lý-dã (3) tát đỏa đà đố (4) vĩ mô ha ca (5) đát tha nghiệt đa địa mục khát-đề nễ tá đa (6) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः न न नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः नमः
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

_ Tứ Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) trước
Duỗi tán, **Như Lai Yêu** (eo lưng của Như Lai)



Hai Ấn đều Trì Minh
Hai Chân Ngôn ấy là:

(Yêu hoặc Nội Phộc Quyền kèm 2 Thủy (ngón vô danh) duỗi hợp)

Như Lai Tề Chân Ngôn

41. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A một-lý đô nạp-bà phộc (2)
sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः समन्त बुद्धानाम् अमृता उद्भवाम् स्वाम्हा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AMṚTA UDBHAVA SVĀHĀ

Như Lai Yêu Chân Ngôn:

42. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa tam bà phộc
(2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः समन्त बुद्धानाम् तथगत सम्भवाम् स्वाम्हा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA SAMBHAVA - SVĀHĀ

_ Chắp hai tay giữa rỗng

Cỏ Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vào trong

Hoả (ngón giữa) hợp Không (ngón cái) cũng vậy

Hợp Địa (ngón út) khiến hơi co



Đây, tên **Như Lai Tạng**

Chân Ngôn là:

43. “**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dã (1) Lam Lam, Lạc Lạc (2)
sa-phộc hạ**”

ॐ नमोः सर्व तथगतैभ्याम् राम राम राह राह स्वाम्हा

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - RAṀ RAṀ _ RAḤ RAḤ - SVĀHĀ

_ Ấn trước tán duỗi Thủy (ngón vô danh)



Tức tên **Đại Kết Giới**

_ Tiếp **Vô Kham Nhẫn Ấn**

Bậc **Đại Lực Đại Hộ**

Liên dùng Ấn Tướng trước

Hỏa (ngón giữa) móc đầu co hợp

Duỗi Phong (ngón trỏ), còn giống trước



Chân Ngôn hai Ấn là:

(Đại Kết Giới):

44. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Lệ lỗ bồ lý, vĩ củ lý vĩ củ lệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् लेल्लुपुरि विकुले

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - LELLUPURI VIKULE VIKULE - SVĀHĀ

_ **Vô Kham Nhẫn Đại Hộ Chân Ngôn** là:

45. “**Năng mặc tát phộc đát tha nghiệt đế tệt (1) tát phộc bội dã vĩ nghiệt đế tệt (2) vĩ thấp-phộc mục khế tệt (3) tát phộc tha (4) Hàm khiếm (5) la khát-xoa ma ha ma lệ (6) tát phộc đát tha nghiệt đa, bôn ni-dã niết tá đế (7) Hồng Hồng (8) Đát-la tra, đát-la tra (9) A bát la đế ha đế (10) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सर्व तथगतेशुः सर्व भया विगतेशुः विश्व मुक्तेशुः सर्वेषु कं वि रक्ष मन्त्रेषुः सर्व तथगत पुत्रि विरुगं ॐ ॐ वल वलं मृष(गदगं सुदं

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAḤ KHAḤ RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJĀTE HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬ SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Phổ Quang Ấn**

Dựa trước, Không (ngón cái) vào Nguyệt (lòng bàn tay)

Mở Phong (ngón trỏ) như phóng quang



_ Chắp tay giữa trông không

Hai Phong (ngón trỏ) giữ cạnh Hỏa (ngón giữa)

Tên **Như Lai Giáp Ấn**



_ Tiếp nói **Nhĩ Hạ Phộc** (Jihva: Như Lai Thiệt)
 Dựa Như Lai Giáp trước
 Không (ngón cái) đè móng hai Thủy (ngón vô danh)
Nhĩ Hạ Phộc Xúc Ấn
 Với Xúc Tập Chân Ngôn



_ **Ngũ Môn**, chắp tay rộng
 Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vịn nhau
 Kèm hai Không (ngón cái) hơi co
 Địa (ngón út) Hỏa (ngón giữa) khiến thành ngọn



Hoặc nói co Địa (ngón út) Thủy (Ngón vô danh)
 Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) như ngọn núi
 Mở hai Không (ngón cái) phụ đẩy

_ Năm Ấn bốn Chân Ngôn
 Mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Phổ Quang:**

46. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Nhập-phộc la ma lý nễ (2) đát tha nghiệt đa lật-chỉ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् ज्वाला मालिनी तथगतार्चि स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ JVĀLA-MĀLINI TATHĀGATA ARCI _ SVĀHĀ

_ **Như Lai Giáp:**

47. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) bát-la chiến noa (2) phộc nhật-la, nhập-phộc la dã (3) vĩ tát-bồ la, hồng (4)**”

ॐ नमः समान्त बुद्धानाम् प्रकाशा वज्रज्वाला विस्पृहा हुम्

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ PRAKAṢA VAJRA-JVĀLA VISPHURA _ HŪM

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ACINTYA ADBHUTA RŪPA
VĀK SAMANTA PRĀPTA VIŚUDDHA-SVARĀ SVĀHĀ

– Tiếp nói **Phật Thập Lực**

Chắp hai tay giữa rỗng

Co Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào chưởng

Trong Nguyệt (lòng bàn tay) cùng hợp lóng



– **Niệm Xứ** đồng Thập Lực

Co cả hai Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)

Khiến lóng trên hợp nhau



– Tiếp bày **Khai Ngộ Ân**

Ân trước, Không (ngón cái) trên Thuỷ (ngón vô danh)

Ngón khác kèm duỗi hợp



– **Phổ Hiền Như Ý Châu**

Hư hợp (chắp tay giữa rỗng) Phong (ngón trỏ) trên Hỏa (ngón giữa)



– **Từ Thị Ân** giống trước

Co Phong (ngón trỏ) dưới Hỏa luân (ngón giữa)

_ Lại ở phương Nam kia
 Cứu Thế Phật Bồ Tát
 Đại Đức Thánh Tôn Ấn
 Tên hiệu: **Mãn Chúng** **Nguyện**
Chân Đá Ma Ni Bảo
 Trụ ở trên sen trắng
 Trí Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) trụ my (Tam Tinh)



Hai Ấn Phở Thông trước
 Ba Chân Ngón ấy là:

_ **Nhất Thiết Bồ Tát:**

57. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (2) vĩ ma đề (3) vĩ chỉ la noa (4) đật ma đà đở, niết-dục nhạ đa (5) tam tam ha (6) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सर्वथा विमति विकिराण धारमाधतु निरजात सम सम ह्य स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KA_ SARVATHĀ VIMATI VIKIRAṆA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAM SAM HĀ SVĀHĀ

_ **Nhất Thiết Chư Phật Tâm:**

58. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc một đà, mạo địa tát đát-phộc (2) hột-lý ná dã (3) nại-lý phệ xả nễ (4) nặng mạc tát phộc vị nễ (5) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः बुद्धाय नमः सर्व बुद्धाय नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AM SARVA BUDDHĀ BODHISATVA HRDAYAM NYĀVEŚANI _ NAMAḤ SARVA VIDE SVĀHĀ

_ **Hào Tướng:**

59. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) phộc la nê, phộc phộc (2) bát-la ba-đa Hồng (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः वरादे वरा प्राप्ता

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VARADE VARA PRĀPTA HŪM - SVĀHĀ

_ Tiếp, ở Thắng phương (phương Bắc) ấy

Liên Hoa Đại Tinh Tiến

Tự Tại Quán Thế Âm (Avalokiteśvara)

Hào quang như trăng trong

Thương Khư (Śaṅkha: vỏ ốc màu lông lánh) Hoa **Quân Na** (loại hoa có màu trắng tươi)

Ngồi sen trắng, mỉm cười
Kê (búi tóc) hiện **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
_ Bên phải: Đại Danh Xưng
Thánh Giả **Đa La Tôn** (Tārā-nātha)
Màu xanh trắng xen lẫn
Trạng người nữ trung niên
Chấp tay cầm sen xanh
Hào quang tròn soi khắp
Sáng rực như vàng ròng
Áo trắng tươi, mỉm cười
_ Tiếp Tả (bên trái) **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkūti)
Tay rũ lần *Tràng Hạt* (Mālā)
Ba mắt, tóc đỉnh kết
Thân hình như lụa trắng
Màu hào quang không chủ
Vàng, đỏ, trắng cùng vào
_ Tiếp **Đắc Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta)
Mặc áo màu Thương Khư (màu trắng ónh ánh)
Tay hoa sen Đại Bi
Tốt tươi chưa hé nở
Hào quang tròn vây quanh
_ Minh Phi trụ bên cạnh
Hiệu: **Tri Danh Xưng Giả**
Tất cả Diệu Anh Lạc
Trang nghiêm thân sắc vàng
Cầm cành hoa tươi đẹp
Tả (tay trái) cầm **Bát Dận Ngô** (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)
_ Tiếp, gần Thánh Đa La
Nên quán **Bạch Xứ Tôn** (Pāṇḍara-vāsini)
Mão tóc, áo thuần trắng
Tay hoa **Bát Đàm Ma** (Padma: Hoa sen hồng)
_ Ở trước Thánh Giả, làm
Đại Lực Trì Minh Vương
Màu như ánh nắng sớm
Dùng sen trắng nghiêm thân
Hác dịch thành tóc lửa
Gầm giận lộ răng nanh
Hiện móng vuốt Thú vương
Hạ dã nguyệt lý phộc (Hayagrīva: Mã Đầu)
_ Nghi quỹ của Thân Tướng
Quyền thuộc Đại Tinh Tiên
Tiếp nên bày tám Mật
_ Mười ngón mở ngửa ra
Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau
Đa La (Tārā) Nội Xoa Quyền
Phong (ngón trỏ) như Kim, Không (ngón cái) phụ



Tỳ Câu Chi (Bhṛkūti) Phong (ngón trỏ) giao



Đại Thế (Mahā-sthāma-prāpta) hợp Thiên Trí (2 bàn tay)
Giống như sen chưa nở



Bạch Xứ (Pāṇḍara-vāsini) đồng Ấn trước
Dời Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)



Mã Đầu (Hayagrīva) tức Ấn trước
Co Phong (ngón trỏ) dưới Không Luân (ngón cái)
Cách nhau như hạt thóc
Xưng là: **Sa ma tha** (Samatha)
Nâng lên, co Phong Luân (ngón trỏ)



Địa Tạng (Kṣīti-garbha) đồng Mã Đầu
Duỗi Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) dư Quyền (các ngón còn lại nắm quyền)

Quang Vãng, Định (tay trái) nắm quyền
Co Phong (ngón trỏ) như thể móc



Vô Cấu đồng Ấn trước
Kèm năm Luân (5 ngón tay) hơi co



Kê Thiết Ni, Dao Ấn
Tuệ Quyền (quyền phải) dựng Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)



Ưu Bà Thiết Ni, Kích (Kích ấn)
Quyền trước duỗi thẳng Hỏa (ngón giữa)



Chất Đa như cầm Trượng (cây gậy)



Địa Tuệ Tràng tay Định (tay trái)
Thành Quyền duỗi Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)



Thỉnh Triệu Đồng Tử Ân

Tuệ Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Ba Tôn, năm Sứ Giả
 Chân Ngôn nhóm **Thỉnh Triệu**

Văn Thù:

68. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma la ca (2) vĩ mục cật-để, **b**át tha tát-thể đa (3) sa-ma la, sa-ma la (4) **b**át-la để nhiên (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्महे नमः अस्मिन् चक्षुः श्रुतं सुखं च
 सुखं च सुखं च सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRAKA
 VIMUKTI PATHĀ STHITA_ SMARA SMARA PRĀTIJÑĀ _ SVĀHĀ

Quang Vông:

69. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma la (2) mang tam nghiệp-đa, sa-phộc bà phộc tát-thể đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्महे नमः मया गता सुखं च श्रुतं सुखं च
 सुखं च सुखं च सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRA
 MĀYĀGATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

Vô Cầu Quang:

70. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ củ ma la (2) vĩ tức đát-la nga để củ ma la (3) ma nễ sa-ma la (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्महे नमः अथैव गता कुर्महे सुखं च सुखं च
 सुखं च सुखं च सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE KUMĀRA_ VICITRA
 GATI_ KUMĀRAM- ANUSMARA_ SVĀHĀ

Ké Thiết Ni:

71. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma lý ké (2) na da chỉ nễ-dã nan sa-ma la (3) **b**át-la để nhiên (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुरु कुर्महे नमः दयार्जुनं सुखं च सुखं च
 सुखं च सुखं च सुखं च

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRIKE
 DAYĀJÑĀNĀM_ SMARA PRĀTIJÑAM_ SVĀHĀ

Uu Bà Kế Thiết Ni:

72. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tần ná dā chỉ nễ-dã nan (2) Hệ củ mang lý kế (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् भिन्दया अज्ञानाम् हे कुमारीके स्वाहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ BHINDHAYA AJÑĀNĀM _ HE KUMĀRIKE _ SVĀHĀ

Chất Đa:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nhĩ lý (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् मिलि चित्रे स्वाहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ MILI CITRA _ SVĀHĀ

Tài Tuệ

73. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ lý (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् हिलि हे स्मारा ज्ञानाकेतु स्वाहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

Địa Tuệ Tràng:

74. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ sa-ma la nhạ năng kế đồ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् हे स्मारा ज्ञानाकेतु स्वाहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE SMARA JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

Triệu Thỉnh Đông Tử:

75. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A yết la-sái dā (2) Tát tông củ lô A nhiên (3) củ ma la tả (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् अकारशया सर्वा कुरु अज्ञानम् कुमारीके स्वाहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑĀM KUMĀRASYA _ SVĀHĀ

Hành Giả ở phương phải

Trước làm Đại Danh Xưng

Trừ Cái Chướng Bò Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhi)

Cầm giữ báu Như Ý

Bỏ ở hai phần vị

Nên đặt Tám Bò Tát

Ấy là **Trừ Nghi Quái** (Kauṭūhala)

Vô Úy (Abhayaṃ-dada), **Trừ Ác Thú** (Apayāṃ-jaha)

Cứ Hộ (Paritrāṇāsayamati), **Đại Từ Sinh** (Mahā-maitriyābhyudgata)

Bi Niệm (Mahā-kāruṇāmṛḍita), **Trừ Nhiệt não** (Sarva daha-prasāmin)

Nhóm **Bất Tư Nghị Tuệ** (Acintya-mati)

Trừ Cái, hợp Định Tuệ (chấp hai tay lại)

Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) vào chướng (lòng bàn tay)



_ **Trừ Nghi**, Định Tuệ Quyền
Đuỗi Hỏa (ngón giữa) co lóng ba



_ *Tỳ Bát* (Tay phải): **Thí Vô Úy**
Tức tên **Vô Úy Ấn**



_ *Nâng Tuệ* (tay phải) duỗi năm Luân (5 ngón tay)
Là **Trừ Ác Thú An**



_ *Ấn trước đê ở Tim*
Tức tên **Cứu Hộ Tuệ**



_ *Tay Trí* (tay phải) dạng cầm hoa
Đây tức **Đại Từ Sinh**



_ *Tuệ* (tay phải) co Hỏa (ngón giữa) đê Tim
Đấy tên **Bi Niệm Giả**



Trừ Nhiệt Nảo, tay Tuệ (tay phải)
Dưới tác Thí Nguyên Ấn



Bất Tư Nghị Tuệ Ấn
Tuệ (tay phải) Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) giữ nhau
Dạng **Chân Đà Ma Ni** (Cintāmaṇi: ngọc Như Ý)



Tiếp tập chín Chân Ngôn

Trừ Cái:

76. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) A tát đát-phộc hệ đa tỳ-dữu ô-t
nghiệt đa (2) đát-lam đát-lam, lam lam (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ĀḤ SATVA HĪTA
ABHYUDGATA TRĀM TRĀM RAM RAM SVĀHĀ

Trừ Nghi Quái:

77. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) vĩ ma để xé nặc ca (2) sa-phộc
hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VIMATI CCHEDAKA
SVĀHĀ

Thí Vô Úy:

78. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) A bộ diên ná ná (2) sa-phộc
hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHAYAMDĀDA SVĀHĀ

Trừ Ác Thú:

79. “**Năng mạt tam mãn đa một đà nam (1) A tệt đạt la ninh (2) tát đát-
phộc đà đôn (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHYUDDHARAṆI SATVA-
DHĀTU SVĀHĀ

Cứu Hộ Tuệ:

80. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ ma hạ ma hạ (2) sa-ma la bát-la để nhiên (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ ५१ ॥ ५२ ॥ ५३ ॥ ५४ ॥ ५५ ॥ ५६ ॥ ५७ ॥ ५८ ॥ ५९ ॥ ६० ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA PRATIJÑAM_ SVĀHĀ

Từ Sinh:

81. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) sa-phộc tái cấu ốt-nghiệt đa (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय स्वचित्त उद्गताय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SVACITTA UDGATA_ SVĀHĀ

Bi Niệm:

82. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) ca lỗ ninh một-lệ ni đa (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय करुणामृदिताय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KĀRUṆĀMRDITA_ SVĀHĀ

Trừ Nhiệt:

83. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **H**ệ phộc la ná phộc la (2) bát-la ba-đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ ५१ ॥ ५२ ॥ ५३ ॥ ५४ ॥ ५५ ॥ ५६ ॥ ५७ ॥ ५८ ॥ ५९ ॥ ६० ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

Bất Tư Nghị Tuệ:

84. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **t**át phộc xả bả lý bố la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय सर्वेसापरिपूरकाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVA AŚA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

Hành Giả ở Thăng phương (phương Bắc)

Địa Tạng Ma Ha Tát (Kṣiti-garbha-bodhisatva-mahāsatva)

Đất nhiều báu xen lẫn

Bốn báu làm hoa sen

Khéo nghiêm lệ *Thai lửa* (Diễm Thai)

Thánh Giả ở trong đó

Cùng vô lượng Bồ Tát

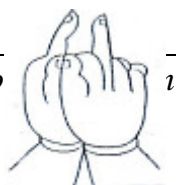
Bảo Chương (Ratnākara) và **Bảo Thủ** (Ratnapāṇi)

Trì Địa (Dharaṇimdhāra) **Bảo Ấn Thủ** (Ratnamudra-hasta-mudra)

Với **Phát Kiên Cố Ý** (Dṛḍhādhyāśaya)

Ấn đầu (Địa Tạng Kỳ Ấn), Trí Định Quyền (hai tay nắm quyền)

Mở thẳng hai Hòa Luân (2 ngón giữa)



Bảo Xứ, Tuệ thành quyền (Quyền phải)
Đuỗi bung tán ba Luân (ngón út, vô danh, giữa)



Bảo Thủ, dùng quyền Trước
Thu ngón khác, đuỗi Thủy (ngón vô danh)



Định Tuệ (2 tay) cùng hợp lưng
Không (ngón cái) Địa (ngón út) trợ giữ nhau
Đây là **Tri Địa Ấn**



Dùng Ngũ Cổ Kịch trước
Tức tên **Bảo Ấn Thủ**
Như **Kim Cương Kịch** trước
Đây tên Ấn thứ sáu



Mỗi một chân Ngôn là:

Địa Tạng:

85. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) hạ hạ hạ, vĩ sa-ma duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HA HA HA VISMAYE_ SVĀHĀ



_ **Ấn tiếp** (Hư Không Vô Cấu), Phong (ngón trỏ) đè Không (ngón cái)
Hợp Định Tuệ (2 bàn tay) bằng nhau



_ Tiếp ba, **Hư Không Tuệ**
Ấn dùng Chuyển Pháp Luân



_ Tiếp bốn (Thanh Tịnh Tuệ Ấn), dùng **Thương Khư** (Śaṅkha: Loa Ấn)



_ **Hành Tuệ** hợp hai Vũ (hai bàn tay)
Ngửa sáu ngón như sen (2 vô danh, 2 giữa, 2 trỏ)



_ **An Tuệ** đồng Văn Thù



Tám Ấn với Chân Ngôn
Thứ tự mà xung tụng
Mỗi một Chân Ngôn là:

Hư Không Tạng:

91. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A ca xá tam mãn đa nỗ nghịet đa (2) vĩ tức đất-lam, phộc la đạt la (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः अकारं वरं वरं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA_ SVĀHĀ

Vô Cấu:

92. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nga nga năng nan đa ngu tả la (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः गगनं गगनं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA ANANTA GOCARA_ SVĀHĀ

Hư Không Tuệ:

93. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tác ngật-la phộc lợi-để (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः चक्रं वरुणं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ CAKRA VARTTI_ SVĀHĀ

Thanh Tịnh Tuệ:

94. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Đạt ma tam bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः धर्मं संबभूव स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHARMA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

Hành Tuệ:

95. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bát đàm-ma la dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः पद्मं अलायं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PADMA ALAYA_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ:

96. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) nhạ nỗ ốt-bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ज्ञानं उद्भव स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JÑĀNA UDBHAVA_ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí:

97. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc nhật-la, tất-thể la, một đệ (2) bố la-phộc phộc, đất-ma, mãn đất-la, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः वज्रं स्थिरं बुद्धं पूर्ववत् स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAJRA-STHIRA BUDDHE PŪRVARA-ATMA MANTRA SARA_ SVĀHĀ

Liên Hoa:

98. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Câu phộc lệ dã (2) sa-phộc hạ**”

नमः समन्त बुद्धानाम कुवलया स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KUVALAYA_ SVĀHĀ

_ *Cháp Xứ*: (cầm chày)

hạ”
99. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc nhật-la ca la (2) sa-phộc**

नमः समन्त बुद्धानाम वज्रकरा स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ VAJRA KĀRA_ SVĀHĀ

_ Tiếp bên phải Đài Hoa

Phương trái của **Đại Nhật** (Vairocana)

Năng Mãn Nhất Thiết Nguyện

Trì Kim Cương Tuệ Giả [Đây chính là **Kim Cương Thủ** (Vajrapāṇi)]

Màu hoa *Bát Dụng Ngộ* (Priyaṅgu: màu vàng nhạt)

Hoặc như báu xanh lục (Lục Bảo)

Đầu đội mào trên bảo

Anh Lạc trang nghiêm thân

Xen lẫn cùng tô điểm

Số rộng nhiều vô lượng

Tả (tay trái) cầm **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)

Chung quanh tỏa ánh lửa

_ Bên phải **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)

Bộ Mầu **Mang Mãng Kê** (Māmaki)

Cũng cầm chày Kiên Tuệ

Dùng Anh lạc trang nghiêm thân

_ Bên trái (Māmaki) **Kim Cương Châm** (Vajra-sūci)

Chúng **Sứ Giả** (Ceta) vây quanh

Mím cười cùng chiêm ngưỡng

_ Tiếp phải, **Thương Yết La** (Śaṅkala)

Cầm cái khóa Kim Cương

Cùng các **Sứ Tự Bộ**

Thân tướng màu vàng lợt

Chày Trí làm Tiêu Xí (vật biểu tượng)

_ Tiếp ở dưới Mãn Nguyện

Phần Nộ Giáng Tam Thế (Krodha-trailokya-vijaya)

Hiệu là **Nguyệt Yểm Tôn** (Candratilaka) [Đây chính là Vajrahūṃkara]

Ba mắt lộ nanh bén

Màu mây mưa mùa hạ

Báu Kim Cương, Anh Lạc

Tiếng cười **A Tra Tra** (Aṭṭa)

Nhiếp hộ mọi chúng sinh

Vô lượng chúng vây quanh

Cho đến trăm ngàn tay

Cầm nắm mọi khí giới

Nhóm **Phần Nộ** như vậy

Đều trụ trong Hoa Sen

Phương Nam **Hội Mãn Nguyện**

Năm Đại Trì Minh Vương

— Ấn đầu (Chấp Kim Cương Ấn): Nội Xoa Quyền
Dựng Hỏa (ngón giữa), Phong (ngón trỏ) như Câu (móc câu)
Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau



Bộ Mẫu (Mang Mãng Kê Ấn): Địa (ngón út) Không (ngón cái) nhập (ở bên trong)

Còn lại đều giống trước
Ngoại phộc (cài buộc bên ngoài) dựng Phong Luân (ngón trỏ)



Kim Cương Châm Mật Khế



Tỏa Khế, tay Phước Trí (2 bàn tay)
Móc ngược hướng Thân buộc
Duỗi Định Trí (ngón cái trái) để trên



Nguyệt Yêm: Không (ngón cái) phụ Phong (ngón trỏ)
Kèm duỗi chẳng dính nhau



Mỗi một Chân Ngôn là:

— **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) là **Thượng Thủ** (Paramukha) của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya)

100. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Phộc, phộc nhật-la bá ni (2) chiến noa ma hạ lộ sái noa (3) Hồng, sa-phộc hạ”

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

नमः सम्यक् वज्रं वः वज्रपद्मं वज्रं मन्त्रं त्रिषुं हं वः ५
↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - VAH - VAJRAPĀṆI CAṆḌA
MAHĀ-ROṢANA - HŪM - SVĀHĀ

101. Mang Mãng Kê:

“Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) đát-lật tra, đát-lật tra (2) nhạ diễn để (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् वज्रं त्रिं त्रिं सद्यं वः ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ TRIṬA TRIṬA JAYANTI_ SVĀHĀ

Kim Cương Châm:

102. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) tát phộc đạt ma nễ lật- phệ đạt nễ (2) phộc nhật-la tố nhĩ, phộc la nê (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् वज्रं सत् वमं जवदं वज्रसुं वः ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SŪCI VARADE_ SVĀHĀ

Kim Cương Tỏa:

103. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (3) Hồng, mãn đà, mãn đà dã (2) mộ tra mộ tra dã (3) phộc nhật-lỗ nạp-bà phệ (4) tát phộc đát-la bát-la để hạ đa (5) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् वज्रं हं वः वः वः यं मः मः यं वः ५
सत् वः यं वः वः ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HŪM BANDHA BANDHAYA_ MOṬA MOṬAYA_ VAJRA UDBHAVE _ SARVATRA APRATIHATE_ SVĀHĀ

Nguyệt Yểm:

104. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hiệt-lợi, Hồng, phả tra (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् वज्रं हं हं हं वः ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ HRĪM HŪM PHAṬ_ SVĀHĀ

_ Tiếp ở phương Tây kia
Dưới **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)
Vô lượng **Trì Kim Cương** (Vajra-dhāra)
Hình sắc đều khác biệt
Ấy là các **Phụng Giáo**
Tay Thiên Trí (2 bàn tay) nắm Quyền
Hai Phong (ngón trỏ) co lỏng trên
Kim Cương Quyền như tên



Đặt Tim, tập **Minh Cú** (Vidya-pādam)
_ **Trì Địa**, tay Định Tuệ (2 bàn tay)
Cài ngược đều dính nhau
Địa (ngón út) Không (ngón cái) để lên nhau



_ **Nhất Thiết Kim Cương Trì** (Sarva Vajradhāra)
Giống **Khế Trì Địa** trước
Tất cả vị **Phụng Giáo** (Parivara)
Phước Trí Quyên như trên
Các Kim Cương như trên
Sắc hình đều khác biệt
Tỏa hào quang tròn khắp
Ở dưới Chân Ngôn Chủ

_ Y phương **Niết Ly Đê** (Nṛti: phương Tây Nam)
Bất Động Như Lai Sư
Tuệ (tay phải) Dao, Định (tay trái) sợi dây
Đình tóc rũ vai trái
Nheo một mắt quán sát
Thân uy nộ rực lửa
Trụ ở bàn đá báu
Vấn trán dợn như sóng
Thân Đồng Tử khỏe mạnh
Bạc Cự Tuệ như vậy
Trì Ấn bày **Chủng tử** (Bīja)
Mười chín chuyên thành Thân
Tất cả **Trời** (Deva), **Tô Lạc** (Asura)
Không dám nhìn thẳng vào

_ Phong phương (phương Tây Bắc) Phần Nộ Tôn
_ Ấy là **Thắng Tam Thế** (Trailokya Vijaya)
Lửa uy mãnh vây quanh
Mão báu, cầm Kim Cương
Chủng tử, chuyên trăm tám (108)
Mà thành Thân Phần Nộ
Chẳng tiếc Thân Mệnh mình
Chuyên cầu thỉnh, thọ Giáo
Bất Động Ấn như trên
Tam Thế Thắng giống trên
Kim Cương Tuệ Nguyệt Yểm
Chân Ngôn Chủ, Quyên Thuộc
Bảy **Đại Kim Cương Sư**

Mỗi một Chân Ngôn là:

Phụng Giáo:

105. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A vĩ sa-ma dã ninh duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त वज्रानाम् अविमया निये स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - AVISAMAYA NIYE - SVĀHĀ

Kim Cương Quyền:



106. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) tát-phả tra dã (2) phộc nhật-la tam bà phê (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त वज्रानाम् सफटया वज्र संभवे स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - SPHAṬAYA VAJRA SAMBHAVE - SVĀHĀ

Trì Địa:

107. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) đạt la ni đạt la (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त वज्रानाम् धारणिधारा स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - DHARAṆI-DHĀRA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Trì Kim Cương:

108. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hồng Hồng Hồng (2) phả-tra, phả-tra, nhiệm nhiệm (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त वज्रानाम् हुं हुं हुं फट फट फट सं सं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HŪM HŪM HŪM - PHAṬ PHAṬ PHAṬ - JAM JAM - SVĀHĀ

Nhất Thiết Phụng Giáo:

109. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hệ Hệ, chỉ nhĩ la dã tế (2) Ngật-lý hận-noa, Ngật-lý hận-noa (3) khur năng, khur năng (4) bát-lý bố la dã (5) tát phộc chỉ ca la noãn (6) tát phộc bát-la đề vĩ nhiên (7) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त वज्रानाम् हे हे किंकरायसि ग्रहणा ग्रहणा क्हादा क्हादा परिपुरया सर्वा किंकराणाम् स्वप्रतिविज्णाम् स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HE HE - KIMCIRĀYASI GRHṆA GRHṆA - KHĀDA KHĀDA - PARIPŪRAYA - SARVA KIMKARĀṆAM - SVĀPRATIVIJÑĀM - SVĀHĀ

Bất Động:

110. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa, ma hạ lộ sái noa (2) sa-phả tra dã (3) Hồng, đát-la tra (4) Hám Hàm (5) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त वज्रानाम् वज्र मन्त्रायाम् हुं हुं स्वहा ॥

Mười hai Đại Sĩ Ấn
Mâu Ni: Tướng Thuyết Pháp
Tay Trí (tay phải) Ấn Cát Tường

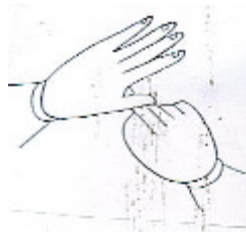


Mẫu Ấn đồng Phật Đỉnh
Gọi khác: Kim Cương Tiêu

Hào Tướng: dựng Trí Quyền (quyền phải)
Phong tiết (lóng tay của ngón trỏ) đặt trên My (Tam Tinh)



Bạch Tản: dựng Tuệ Phong (ngón trỏ phải)
Định chưởng (lòng bàn tay trái) che như lọng



Thắng Đỉnh: Dao Ấn trước



Tối Thắng Ấn đồng Luân



Hỏa Tụ đồng Phật Đỉnh



Xả Trừ: Trí thành Quyên (Quyên phải)
Cong Phong (ngón trỏ) như móc câu



Quảng Đại Phát Sinh Đỉnh
Cùng dùng Liên Hoa Ấn



Cực Quảng Phát Sinh Đỉnh
Ấn Ngũ Cổ Kim Cương



Thủy (ngón vô danh) vào, Thiên Trí (2 ngón cái) hợp
Cò Phong (ngón trỏ) giữ giữa Hỏa (ngón giữa)
Trên lóng dưới một mạch (hạt lúa mì)



नमः सम्यक् बुद्धाय तं (सम्यक् बुद्धाय उष्णिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ LAM_ SITĀTAPATRA-
UṢNĪṢA _ SVĀHĀ

Thắng Đỉnh:

116. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thêm nhạ dữu, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय तं सयश्चिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚAM - JAYA-UṢNĪṢA -
SVĀHĀ

Tối Thắng:

117. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thí tử vĩ nhạ dữu ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय तं शिसं विजयश्चिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚISĪ - VIJAYA-UṢNĪṢA -
SVĀHĀ

Hỏa Tự:

118. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đát-lăng-án, đế nho la thí, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय तं त्रिमं तेजराशि उष्णिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TRĪM - TEJORAŚI UṢNĪṢA -
SVĀHĀ

Xả Trừ:

119. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) hạ-lỗ-án, vĩ chỉ la noa, bán tổ ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय तं ह्रुमं विकिराणाम्पञ्च उष्णिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HRŪM - VIKIRAṆA PAṂCA
UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Cực Quảng:

120. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tra-lỗ-án, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय तं त्रुमं उष्णिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TRŪM - UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Quảng Đại:

121. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thất-lỗ-án, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय तं श्रुमं उष्णिषं सूक्तं
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚRŪM - UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Vô Biên Âm:

122. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng, nhạ dữu, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

नमः समान बुद्धानाम हूम जया उष्णिशा -
☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HŪM JAYA UṢṆĪṢA -
SVĀHĀ

_ *Nhất Thiết Phật Đỉnh:*

123. “Nặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) noan noan noan, hồng hồng hồng, phát-tra (2) sa-phộc hạ”

नमः समान बुद्धानाम वं वं वं हूं हूं हूं फट्स सूक्त

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAM VAM VAM - HŪM
HŪM HŪM - PHAṬ - SVĀHĀ

_ Tiếp ở nơi Thắng phương (phương Bắc)

An bày chúng **Tĩnh Cư** (Śuddhāvāsa)

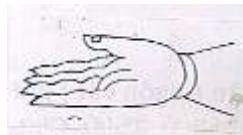
Tự Tại (Īśvara) cùng **Phổ Hoa** (Samanta-kusuma)

Quang Man (Prabhamāla) với **Ý Sinh** (Manojava)

Tên gọi nhóm **Viễn Văn**

Đều theo thứ tự ấy

_ Tay Tuệ (tay phải) nâng gò má



_ **Phổ Hoa**, như Tự Tại

Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) sai lệch khác



_ **Quang Man Ấn** như trước

Sửa Không (ngón cái) ngay trong chưởng



_ **Mãn Ý Sinh Thiên Tử**

Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) như cầm hoa



Biên Âm Thanh Thiên Ân

Trí (tay phải) Không (ngón cái) để trên Thủy (ngón vô danh)
Duỗi che Tuệ Nhĩ môn (lỗ tai trái)



Năm Trời và Quyển Thuộc
Thứ tự tập Chân Ngôn

Tự Tại Thiên:

124. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) An, bá la nễ đát-ma la để tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - OM- PURANITMA RATIBHYAḤ - SVĀHĀ

Phổ Hoa:

125. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma nễ la ma (2) đạt ma, tam bà phộc (3) ca thác ca thác năng (4) tam tham mang sai nê (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAṆORAMA DHARMA SAMBHAVA - KATHĀ KATHĀNA - SAṀ SAṀ MABHANE - SVĀHĀ

Quang Man:

126. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tả đồ ỏ-xá tả nan (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः जटुयस्य नमः सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - JATUYASYANA - SVĀHĀ

Mãn Ý Sinh Thiên Tử:

127. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A, Ân, khả ninh xỉ tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः अं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - A - OM - HANAṬĪBHAYAḤ - SVĀHĀ

Biên Âm Thanh Thiên:

128. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) An, A bà sa-phộc lệ tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

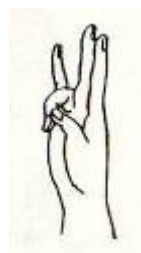
ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ अं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं सुव्रतं

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - OM - ĀBHASVĀREBHYAḤ - SVĀHĀ

_ Hành Giả, góc Đông Nam
Tạo làm Tượng **Hỏa Tiên** (Agni-ṛṣī)
Trú ở trong lửa mạnh
Ba điểm tro, tiêu biểu
Sắc thân đều đỏ thẫm
Tim đặt **Ấn Tam Giác**
Tạo làm trong tóc lửa
Tuệ (tay trái) **châu** (viên ngọc), Định (tay phải) **Táo Bình**
Chưởng Ấn, Định (tay trái) cầm Trượng (cây gậy)
Ngồi trên lưng Dê xanh
Phi Hậu hầu hai bên (phải, trái)
Phộc Tư Sắt Xá Tiên (Vasiṣṭa-ṛṣī)
Vớ các *Tiên chúng* khác
Mà dùng làm quyền thuộc
Phương trái, **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja)
Tay giữ Ấn **Đàn Noa** (Daṇḍa: Quyền Trượng)
Ngồi trên lưng con trâu
Màu mây đen chớp loé
Bảy Mẫu (Sapta-māṭṛ) cùng **Hắc Dạ**. (Kāla-rāṭṛ)
Tử Hậu Phi (Vợ của Tử Thân) vây quanh
Phán Quan, các Quý thuộc
Hàng Quyền Thuộc vây quanh
_ **Hỏa Thiên**, Thí Vô Uy
Đại Không (ngón cái) ngang trong chưởng
Thỉnh Triệu, Tuệ Phong (ngón trỏ phải) câu (móc câu)



_ Năm Khê nhóm **Phộc Tư** (Vasiṣṭa-ṛṣī)
Không (ngón cái) giữ vẫn hai Thủy (vạch thứ hai của ngón vô danh)
Thứ tự mở bày khắp



_ **Diêm Ma**, hợp Phước Trí (2 bàn tay)
Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)



Bảy Mẫu, Tam Muội Quyên (Quyên trái)
Rút Không (ngón cái) Kiên Chùy Ấn



Ám Dạ đồng Ấn trước
Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm duỗi



Diễm Ma Hậu Phi Đạc (Ấn)
Tay Tuệ (tay phải) rữ năm Luân (2 ngón tay)
Giống như tướng *Kiên Tra* (Ghamṭa: cái chuông)



Mỗi Chân ngôn ấy là:

Hỏa Thiên:

129. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A **n**ghĩ-**n**ăng duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अग्नेये स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĀYE - SVĀHĀ

Phi Hậu:

130. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A **k**hởi nễ duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अग्नेये स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĪYE - SVĀHĀ

Phộc Tư Tiên:

131. “**Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) Phộc tử sắt-xá lật-sam (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ वसिष्ठाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VASIṢṬA-RṢIṀ - SVĀHĀ

A Diệt Lý Tiên:

132. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ác đê-la dã, ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अत्रेयाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ATREYA MAHĀ-RṢIṀ - SVĀHĀ

Kiều Đáp Ma :

133. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bà-lý thân dát-ma ma ha lật-sam (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ भृगुगाम्य नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - BHRGAUTAMA MAHĀ-RṢIṀ - SVĀHĀ

Nghiệt Lật Già:

134. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Kiều đáp-ma ma hạ lật-sam (2) nghiệt lý-già, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ गौतम्य नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAUTAMA MAHĀ-RṢIṀ - GARGHA_ SVĀHĀ

Diêm La Thiên:

135. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phệ phộc sa-phộc đa dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ वैवस्वताय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAIVASVATĀYA - SVĀHĀ

Bảy Mẫu:

136. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma dát-lý tỳ dược (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ मातृभ्याय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MĀTRBHYAḤ - SVĀHĀ

Ám Dạ:

137. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ca la la dát lý duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ कालात्रयीय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - KĀLA-RĀTRĪYE - SVĀHĀ

Phán Quan:

138. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Chỉ dát-la ngu bát-đa dã (2) sa-phộc hạ**”

नमः समान बुद्धानाम् चित्रगुप्त्या स्वहा ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - CITRA- GUPTĀYA - SVĀHĀ

_ Niết Lị Đễ Quỷ Vương (Nṛti-rāja)

Hiệu là Đại La Sát (Mahā-rākṣasa)

Cầm đao, hình dáng sợ

Thân Ấn đồng Yết Nga (Khaḍga: Đao Ấn)



_ Các Lạc Sát sa (Rākṣasa) ấy

Hư hợp (chấp 2 tay giữa rỗng) Thủy (ngón vô danh) vào chưởng

Dụng Phong (ngón trỏ) giao Không (ngón cái) Hòa (ngón giữa)



Mỗi Chân Ngôn ấy là

_ La Sát Chủ:

139. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) la-khất-sát sa địa bả đa duệ (3) sa-phộc hạ”

नमः समान बुद्धानाम् एकसत्त्वपतये स्वहा ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASA ADHIPATAYE - SVĀHĀ

_ Sát Tư :

140. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) lạc khất-xoa sa (2) nga nê nhĩ (3) sa-phộc hạ”

नमः समान बुद्धानाम् एकसिद्धिपतये स्वहा ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASI GAṆIMI - SVĀHĀ

_ Tướng Huynh:

141. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) ngật-la ca lệ (2) sa-phộc hạ”

नमः समान बुद्धानाम् क्राकरे स्वहा ५

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - KRA KARE - SVĀHĀ

_ Chúng:

142. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) lạc khất-xoa tế tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

नमः समान बुद्धानाम् एकसत्त्वः स्वहा ५

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASEBHYAḤ - SVĀHĀ

_ Long phương (phương Tây) **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa: Thủy Thiên)

Cửa Tây cầm sợi dây

Hình Trời, dáng người nữ

Ngồi trên Rùa **Long Quang**

Trong cửa: Trước, trái, phải

Phẫn Nộ Vô Năng Thắng (Krodha-aparājita)

Đối A Tỳ Mục Khư (Abhimukha: Hiện Tiền)

Đại Hộ (Mahā-pāla) trong gian queo (gian phòng nhỏ ở khúc quanh)

Trì Minh Đại Phẫn Nộ (Vidya-dhāra-mahā-krodha)

Tiếp Hữu (bên phải) **Vô Năng Thắng** (Aparājita)

Tiếp tả (bên trái) **Vô Thắng Phi**

Nan Đồ (Nanda), **Bạt Nan Đồ** (Upananda)

_ Phương Tây, các **Địa Thần** (Pṛthivīye Devatā)

Biện Tài (Sarasvati) với **Tỳ Nữu** (Viṣṇu)

Tắc Kiến Nãng (Skanda), **Phong Thần** (Vāyu Devatā)

Thương Yết La (Śaṃkara), **Nguyệt Thiên** (Candra Deva)

Nhóm ấy y Long phương (Phương Tây)

Hành Giá trị Chân Ngôn

Dùng Tâm chẳng mê hoặc

Đặt để đừng sót lầm

Các **Thích Chủng** còn lại

Cà Sa (Kaṣāya) với **Tích Trọng** (Khakkhara)

Thầy nên khai thị đủ

Hình Tam Muội, khác màu

_ **Quyển Sách** (sợi dây) Nội Phộc Quyền

Rút Phong (ngón trỏ) hợp tròn đầu



_ **Địa Thần**, tay Phước trí (2 bàn tay)

Tám Độ (8 ngón tay) hợp tròn đầu

Hai Không (2 ngón cái) phụ như lọng



Biện Tài tức **Diệu Âm** (Sarasvati)

Tuệ Phong (ngón trỏ phải) giữ ở Không (ngón cái)

Hướng Thân đưa qua lại

Vận động như tấu nhạc

Thiên ây, **Phí Noa Ân** (Viṇa-mudra)



Tỳ Nữ (Viṣṇu) tức **Na Diên** (Nārāyaṇa)

Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Phong (ngón trỏ)

Dùng đây, làm sai khác



Tiếp, bên phải Thủy Thiên

Tắc Kiến Phiên Đồng Tử

Ba đầu cỡi chim Công (Khổng Tước)

Thương Yết La, Kịch Ân

Định (tay trái): Không (ngón cái) đặt lên Địa (ngón út)

Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) hình Kịch (cây kịch)



Hậu Ân, Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)



Phi Ân mở ba Luân (3 ngón tay)

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.w.com>



_ Tiếp phía Nam cửa Tây
Quyền thuộc của **Nguyệt Thiên** (Candra-deva)
Hai mươi tám Tú Thần
Nhóm Cung Thần vây quanh
_ **Nguyệt Thiên** cỡi Hạc Trắng
Thân Ấn, tay Tam Muội (tay trái)
Không (ngón cái) đặt ở trên Thủy (ngón vô danh)



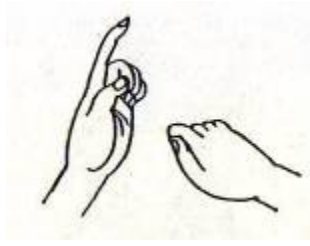
Nhân tác Khiết Bạch Quán (quán sát trắng tinh khiết)
_ Tất cả **Tứ Diệu Ấn**
Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng) Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) giao



_ Tức trong phòng queo trước
Vô Thắng (Dardharsa: Nan Phá) Tam Muội Quyền (quyền trái)
Nâng giúp mở bung Luân (ngón tay)
Trí Quyền (quyền phải) duỗi Tuệ Phong (ngón trỏ phải)
Giống như thế Tương Nghĩ (Cùng tính toán)



Đối nhau nâng Tuệ Quyền (quyền phải)
Dạng như thế đánh nhau
Tức **A Tỳ Mục Khư** (Abhimukha)



_ Tiếp ngoài, **Thắng với Phi**
Trí (tay phải) cầm sen (hoa sen) tại tim
Duỗi Định (tay trái) hướng ngoài chia
Tức tên **Vô Năng Thắng**



_ Tiếp bày **Thắng Phi Ẩn**
Phước Trí (2 tay) trong nắm quyền
Co Không (ngón cái) như cái miệng



_ **Hai Rồng** Tả Hữu chưởng (chưởng trái, chưởng phải)
Hỗ trợ đè lên nhau



_ **Phộc Dữu** (Vāyu: Phong Thiên) Phong Thiên Tràng (cây phượng)
Trí quyền (quyền phải) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
Tưởng quán làm Phong Tràng (cây phượng gió)



Tất cả các quyền thuộc
 Vây chung quanh Phong Thiên
 Mỗi Chân Ngôn ấy là:

Chư Long:

143. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A bá bả đa duệ (2) minh già xả nễ duệ (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः प्रसन्नं हृदयं नमः प्रसन्नं हृदयं नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - APĀMPATAYE - MEGHĀŚANĪYA - SVĀHĀ

Địa Thần:

144. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bả-lý thể vĩ-duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः पृथिव्यै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - PṚTHIVYAI - SVĀHĀ

Diệu Âm:

145. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) sách la sa-phộc đế-duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सरस्वत्यै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - SARASVATYAI - SVĀHĀ

Na La Diên”

146. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ sắt-noa phệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः विष्णवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIṢṆUVE - SVĀHĀ

Hậu:

147. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ sắt-noa nhĩ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः विष्णवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIṢṆEVI - SVĀHĀ

Nguyệt Thiên:

148. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) chiến nại-la dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः चन्द्राय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - CANDRĀYA - SVĀHĀ

Nhị Long:
155. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ô ba nan na dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् उपानन्दाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - UPANANDĀYA - SVĀHĀ

Phong Thiên:

156. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phộc dã phệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् वायवे स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VĀYAVE - SVĀHĀ

__ Tiếp ở nơi **Thắng phương** (phương Bắc)

Cửa Bắc, **Đa Văn Thiên** (Vaiśravaṇa)

Trái, phải tám anh em

Mẫu với hàng **Tổ Mẫu**

Cát Tường Công Đức Thiên

Vạn Thắng Độc Dũng Kiện

Hàng quyền thuộc nam nữ

Đa Văn Thân Mật Ấn

Trí Định (2 bàn tay) hợp giữa rỗng (Hư Tâm hợp chuông)

Hai Địa (2 ngón út) vào chuông giao

Dụng Không (ngón cái) trụ cạnh Phong (ngón trỏ)

Một thốn chằng chạm nhau



Chân Ngôn là:

157. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phệ thất-la phộc noa dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्ता बुद्धानाम् वैश्रवाणाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAIŚRAVAṆĀYA - SVĀHĀ

__ Tiếp Tả (bên trái) Đại Dược Xoa

Định Tuệ (2 tay) Nội Xoa Quyền

Dụng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (2 ngón trỏ)



Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

Ấn trước đuôi hỏa Luân (ngón giữa)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự giữ nhau



Giá Văn Trà (Cāmuṇḍa) Định Quyền (Quyền trái)

Ngửa giữ **Kiếp Ba La** (Kapāla: đầu lâu)



Cửa Đông Tỳ Xá Già (Piśāca)

Nội Phộc, đuôi ở Hỏa (ngón giữa)



Ấn trước co Hỏa Luân (ngón giữa)

Tức tên **Tỳ Xá Chi** (Piśāce)



Mỗi Chân ngôn ấy là

Nhất Thiết Dược Xoa:

158. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) dược ngật-xoa thấp-phộc la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः यक्षेश्वर्ययं स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - YAKṢEŚVARA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Dược Xoa Nữ :

159. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) dược khát-xoa vĩ nễ-dã đạt lệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमः यक्ष (वृक्षं) यं स्वहा ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - YAKṢA-VIDYA-DHĀRI - SVĀHĀ

Giá Văn Trà:

160. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) tả muộn noa duệ (2) sa-phộc hạ”

𑖀𑖃𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡𑅢𑅣

Tân Na Dạ Ca Thiên:

169. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ nga noa bả đá duệ (2)
sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम महानघापातये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-GAṆA-PATĀYE -
SVĀHĀ

__ Tiếp đi đến phương đầu (phương Đông)

Cửa Đông, **Đế Thích Thiên** (Śakra)

An trú **núi Diệu Cao** (Sumeru)

Mão báu, đeo Anh lạc

Tay cầm **Độc Cổ Ấn**

Thiên Chúng tự vây quanh

__ Tả (bên trái) để chúng **Nhật Thiên** (Āditya-deva)

Trong xe tám ngựa kéo

Hai Phi hầu trái phải

Thệ Gia (Jaya), **Tỳ Thệ Gia** (Vijaya)

Dịch là **Thắng, Vô Thắng**

Quyển thuộc bày **Chấp Diệu** (Grahā)

Áng Già (Āditya: Nhật Diệu) ở trái phải

Thâu Già (Soma: Nguyệt Diệu) ở phía Đông

Bột Đà (Budha: Thủy Diệu) ở phía Nam

Vật Lạc Tát Bát Để (Vṛhasvati: Mộc Diệu)

Đặt ở Bắc Nhật Thiên

Thiết-Nãi Thiết Già (Śanaiścara: Thổ Diệu) Đông Nam

La Hầu (Rahu) tại Tây Nam

Kiểm Bà (Śukra: Kim Diệu) tại Tây Bắc

Kế Đô (Ketu) tại Đông Bắc

Niết Già Đa (Nirjāta) Thiên Cầu

Ở Bắc của Bắc vĩ

Ốt Già Bả Đa Hỏa (Aṅgaraka: Hỏa Diệu)

Ma Lợi Chi (Marīci) đi trước

Theo hầu mà Thị Vệ

__ **Đại Phạm** (Mahā-brahma) hữu (bên phải) **Đế Thích** (Indra)

Ngồi trên xe bảy ngỗng

Bốn mặt, mão tóc kết

Bốn tay, Tuệ (tay trái) cầm hoa

Tiếp Tuệ (tay trái) cầm Sỏ châu (tràng hạt)

Định trên (tay phải) cầm Quân Trì

Định dưới (tay phải) tay nghiêng chuông

Co Phong (ngón trở) còn lại duỗi

Tịnh Hạnh Cát Tường Ấn

Đều là Ấn chữ AN

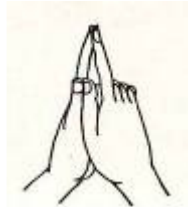
__ **Ma Lợi Chi**, binh báu

Tay Định (tay trái) rỗng, nắm quyền

Trong tất cả các nạn
Tưởng Thân vào trong ấy
Trí chưởng (lòng bàn tay phải) mà che đi
Mắt Trời Người chẳng thấy



_ **Tứ Thiên Thiên** tại Tả (bên trái)
_ **Vô Nhiệt Ngũ Tinh Hữu** (bên phải)
_ **Thích Ấn**, Nội Phộc quyền
_ Dựng hai Phong (2 ngón trỏ) như chày



_ **Nhật Thiên**, Phước Trí (2 tay) Không (ngón cái)
_ Đều để cạnh Thủy Luân (ngón vô danh)
_ Hiện hiện dính cạnh nhau
_ Ngửa như hình Xa lạc (cái xe)



_ **Xã Gia** (Jaya) **Tỳ Xã Gia** (Vijaya)
_ Tay Bát nhã Tam Muội (2 tay)
_ Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đều hướng trong
_ Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tự giữ nhau



_ Định Tuệ Luân (10 ngón tay) hợp đầu
_ Dựng Không (ngón cái) đặt ở tim



Ấn tướng của **Cửu Cháp**
Còn như truyền thụ miệng

_ Thích hữu (bên phải Đê Thích) **Phạm Thiên Ấn**
Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) giữ Thủy (ngón vô danh)
Giống như tướng cầm hoa



_ Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) đặt trên Hỏa (ngón giữa)
Không (ngón cái) giữ lóng giữa Thủy (ngón vô danh)
Phạm Thiên Phi Mật Khế



_ Trong Quyển Thuộc Thiên Đê
Càn Đạt (Gandharva), **A Tu la** (Asura)
Ấn trước, Nội Phộc Quyển
Đuỗi Thủy (ngón vô danh) **Nhạc Thiên Ấn**



Tu La dùng tay Trí (tay phải)
Phong (ngón trỏ) quặp trên Không Luân (ngón cái)



Chín Ấn, sáu Chân Ngôn
Mỗi Chân Ngôn ấy là:
_ **Thiên Đê Thích:**

Đều ngòi đài sen trắng
Luân (bánh xe) Dao, Sáo, Thương Khư (Loa)
Linh (chuông) Đạc (mõ) với Quyên Sách (sợi dây) ...

Hào Tướng, Khẩu, Thiệt, Nha

Thầy đều cầm hoa sen

Trên hoa đặt **Tiêu Xí**

_ **Tề Ân** ở trong hoa

Vẽ làm *Liên Hoàn Quang* (ánh sáng của cái vòng hoa sen)

Tướng màu nhiệm tròn đẹp

Yêu (Như Lai Yêu) như *Hồi Châu Man*

Tạng (Như Lai Tạng) như *Ngọc Mã Âm*

Âm Tàng chẳng để lộ

Thí Nguyện Pháp Biện Thuyết

Kinh Tạng trên hoa sen

Niệm Xứ, Thập Lực đấng

Kèm vẽ hình người Trời

Dáng Tam Muội vắng lặng (Tịch Tĩnh Tam Muội)

Nên làm tướng Phật Đỉnh

Núi, sông, cây, hoa, quả

Lối đi: Quý, Thần, Trời

Tùy tên làm Tiêu Xí

Thần: **năm, tháng, sáu Thời**

Cầm hoa tùy Bản Giáo

Lược nói **Đại Bi Tạng**

Mạn Trà La Vị xong

_ Tất cả các Thánh Chúng

Rộng như *Đại Đàn Đò* (hình vẽ Đàn lớn)

Quán Đỉnh A Xà Lê (Bậc Thầy Quán đỉnh)

Như Kinh nên cúng dường

_ Tiếp, dẫn người đáng độ

Hoặc mười, hoặc tám, bảy

Hoặc năm, hai, bốn, một

Dùng nước sạch rưới vẩy

Trao cho Hương xoa, hoa

Khiến phát **Tâm Bồ Đề**

Trao **Giới Thẳng Thượng** ấy

Nghĩ nhớ các Như Lai

Tất cả đều nên làm

Sinh ở *nhà Phật* tịnh

_ **Kết Ân Pháp Giới Sinh**

Cùng với **Ân Pháp Luân**

Nhóm Kim Cương, Hữu Tình

Mà dùng làm **Gia Trì**

_ Tiếp nên tự mình kết

Chư Phật Tam Muội Gia

Ba chuyên, gia áo sạch

Như *Pháp Giáo Chân Ngôn*

_ Dùng áo đỏ che đầu

Khởi sâu Tâm thương xót
Ba tụng **Tam Muội Gia**
Đỉnh đội dùng **chữ LA** (𑖣 _ RA)
Nghiêm dùng diêm Đại Không (𑖣 _ RAM)
Chung quanh mở tóc lửa
Tự Môn sinh *Bạch Quang* (ánh sáng trắng)
Tuôn ra như Trăng đầy
Hiện đối các Cứu Thế
Rồi rải tán hoa sạch (Tĩnh Hoa)
Tùy nơi hoa ấy đến
Hành Nhân nên tôn phụng
_ Mạn Trà La, cửa đầu
Chỗ **Đại Long** phòng giữ
Ở khoảng giữa hai cửa
An lập nơi Học Nhân (người học)
Trụ đây, tùy *Pháp Giáo*
Mà làm mọi sự nghiệp
_ Như vậy khiến Đệ Tử
Mau lia các lỗi lầm
Làm Hộ Ma **Tịch Nhiên**
Hộ Ma y Pháp trụ
Trước, ngay **Trung Thai Tạng**
Đến thứ hai, bên ngoài
Ở trong Mạn Trà La
Làm, Tâm không nghi ngờ
Như lượng khuỷu tay mình
Đào đắp *Đàn Quang Minh* (Đàn Hộ Ma)
Bốn lóng (lóng tay) làm vòng giới
Trong nêu **Kim Cương Ấn**
Phương phải của Đạo Sư
Hộ Ma đủ chi phần
Người Học trụ bên trái
Ngồi xôm (Tông cứ tọa) tăng Tâm kính
Tự rải cỏ *Cát Tường* (Kusala)
Trải đất dùng an Tọa
Hoặc bày mọi sắc vẽ
Rực rỡ rất nghiêm lệ
Việc *tất cả Hội*, thành
Đấy, lược nơi Hộ Ma
Rải cỏ Tranh chung quanh
Đầu cuối trợ nhau thêm
Xoay bên phải rộng dày
Dùng nước thơm rải khắp
Suy nghĩ **Hỏa Quang Tôn** (Hỏa Thiên)
Thỉnh đến vào trong lò
Thương xót lo tất cả
Cần phải cầm *Mãn Khí* (Đại Thược: cái muôi lớn)
Dùng để làm cúng dường

_ Người đã cúng dường Tăng
Giúp cho người **đủ Đức**
Vì thế, Thế Tôn nói
Cần phải phát hoan hỷ
Tùy sức sắm món ăn
Giúp cho **Hiện Tiền Tăng** (Chư Tăng hiện tại)

_ Ma Ha Tỳ Lô Phật
Lại bảo Cháp Kim Cương
Rồi nói Già Đà rằng
“Ông! **Ma Ha Tát Đỏa** (Mahā-satva)
Một lòng hãy lắng nghe!
Sẽ rộng nói **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)
Phật xưa đã mở bày (khai thị)
Thầy làm **Đàn thứ hai**
Đôi **Trung Mạn Trà La**
Tô vẽ ở ngoại giới
Cách nhau hai khuỷu tay
Bốn phương chính, chia đều
Trong, hương mở một cửa
Đặt bốn **Cháp Kim Cương**
Ngủ ở bốn góc ngoài
Là **Trụ Vô Lý Luận** (Niḥprapanca-pratiṣṭha-vajradhāra, hay Aprapañca-
vihārin-vajradhāra)
Với **Hur Không Vô Cấu** (Vimalākāśa-vajradhāra, hay Gaganāmala-vajradhāra)
Vô Cấu Nhãn Kim Cương (Vimalanetra-vajradhāra)
Với **Bị Tạt Sắc Y** (Citra-vasa-dhṛk-vajradhāra)
_ Nội Tâm: hoa sen lớn
Tám cánh đủ râu nhụy
Ở trong cánh bốn phương
Bốn **Bồ Tát bần lữ**
Do **Đại Hữu Tình** ấy
Vì nguyện lực xa xưa
_ Tại sao gọi là **Bốn**?
Là **Tổng Trì Tự Tại**
Niệm Trì, Lợi Ích Tâm
Bi Giả, Bồ Tát đẳng
_ Bốn cánh hoa còn lại
Làm bốn vị **Phụng Giáo** (Parivara)
Tạt Sắc y, Mãn Nguyện
Vô Ngại với Giải Thoát
_ Chính giữa bày Pháp Giới (Chữ 𑖀 – RAM)
Màu chẳng thể luận bàn
Bốn Bình làm bằng báu
Chứa đầy mọi thuốc báu (Dược bảo)
Phổ Hiền, Từ Thị Tôn
Cùng với **Trừ Cái Chướng**
Trừ Nhất Thiết Ác Thú

Mà dùng làm Gia Trì
_ Người ấy, lúc Quán Đỉnh
Nên đặt trên Hoa Sen
Hiển: dùng *huong xoa, hoa*
Đèn sáng với Át Già
Trên treo *phan, phướng, lọng*
Dâng âm nhạc nhiếp ý
Nhóm *Cát Khánh Già Đà*
Rộng nhiều lời hay đẹp
Như vậy mà cúng dường
_ Khiến được vui vẻ xong
Thân (Gần gũi) đôi các Như Lai
Rồi tự rưới đỉnh đầu
Lại nên cúng dường ấy
Các hương hoa diêu thiện
Quán Vũ (tay trái) cầm Ngũ Trí (chày Ngũ Cổ Kim Cương)
Trao vào hai bàn tay (Đặt chày vào 2 tay Đệ Tử)
_ **“Chư Phật Kim Cương Quán Đỉnh Nghi**
Người đã như Pháp Quán Đỉnh xong
Vì thành Thệ Tịch của Như Lai
Người nên nhận chày Kim Cương này”

_ Tiếp nên giữ **Kim Bê** (dao mổ mắt)
Đứng trước mặt kẻ ấy
Ủy dụ khiến vui vẻ
Nói **Như Lai Già Đà**
“Phật Tử! Phật vì người
Quyết trừ màn Vô Trí
Giống như Thế Y Vương
Khéo dùng dao mổ mắt”

_ Hành Giả trì Chân Ngôn
Lại nên cầm gương sáng
Vì hiển Pháp **Vô Tướng**
Nói **Diệu Già Đà** này
“Các Pháp không hình tượng
Lặng trong không vẫn đực
Không chấp, lừa lời nói
Chỉ từ Nhân Nghiệp khởi
Như vậy biết Pháp này
Tự Tịch không nhiễm ô
Vì đời lợi khôn sánh (vô tỉ: không thể so sánh)
Người từ Tâm Phật sinh”

_ Tiếp nên truyền **Pháp Luân** (Dharma-cakra)
Đặt ở giữa hai chân
Tay Tuệ (tay phải) truyền **Pháp Loa** (Dharma-saṅkha)
Lại nói **Ke** như vậy
“Người từ ngày hôm nay

*Chuyển ở **Cứu Thế Luân** (bán xe cứu đời)
Tiếng ấy rộng vòng khắp
Thôi loa Pháp vô thương
Đừng sinh ở Tuệ khác
Nên lia Tâm nghi hối
Mở bày ở Thế Gian
Đạo Chân Ngôn Thắng Hạnh
Thường tác Nguyên như vậy
Tuyên xưng **Ấn Đức Phật**
Tất cả **Trì Kim Cương**
Đều sẽ hộ niệm người”*

*_ Tiếp đối với Đệ Tử
Nên khởi Tâm thương nhớ
Hành Giả nên vào trong
Bày **Kệ Tam Muội Gia**
“**Phật Tử!** Người từ nay
Chẳng tiếc luyến thân mệnh
Thường chẳng nên bỏ Pháp
Buông lia Tâm Bồ Đề
Keo kiệt tất cả Pháp
Hạnh chẳng lợi chúng sinh
Phật nói **Tam Muội Gia**
Người khéo trụ nơi Giới
Như hộ thân mệnh mình
Hộ Giới cũng như vậy
Nên chí thành cung kính
Cúi lạy **chân** (bàn chân) Thánh Tôn
Chỗ làm, tùy **Giáo Hạnh**
Đừng sinh Tâm nghi ngờ”*

KINH NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA
BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG CHƯ TÔN MẬT ẨM TIÊU XÍ MẠN TRÀ LA NGHI QUỶ
QUYỂN THỨ HAI (Hết)